

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gầm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Te.
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/7/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kiều O, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 107/TT, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Khắc V, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chị O có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2022, bản tự khai nguyên đơn Lê Thị Kiều O trình bày: Chị và anh Nguyễn Khắc V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 24/01/2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng chị có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn hạnh phúc gia đình. Chị và anh V đã ly thân từ tháng 4/2021 đến nay nên chị xin được ly hôn.

Về con chung: Giữa chị và anh V có 01 con chung là Nguyễn Lê Phụng N, sinh ngày 07/12/2020 hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị O trình bày không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kiều O đối với anh Nguyễn Khắc V. Giao con chung cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung do chị O không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung chị O trình bày không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Kiều O có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Khắc V đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị O và anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị O và anh V tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 24/01/2018. Chị O cho rằng sau khi kết hôn, chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng không có tiếng nói chung. Qua thời gian, mâu thuẫn ngày càng tăng nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị O khẳng định chị đã không còn tình cảm với anh V nên xin được ly hôn. Đối với anh V trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt rất nhiều lần thông báo mời hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng anh V đều vắng mặt nên Tòa án không hòa giải được. Qua đó, thấy rằng anh V không có thiện chí để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình với chị O. Đồng thời, chị O đã khẳng định vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2021 đến nay, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Điều này không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật hôn nhân và gia đình: *“Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”*. Ngoài ra, tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...”*. Đối chiếu với các quy định trên thì giữa chị O và anh V đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Ngoài ra, theo tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện trong cuộc sống hôn nhân của chị O và anh V cũng đã xảy ra mâu thuẫn, đã ly thân với nhau và chị O đã về quê mẹ ruột sinh sống. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh V đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O.

[3] Về con chung: Giữa chị O và anh V có 01 con Nguyễn Lê Phụng N, sinh ngày 07/12/2020 hiện đang sống với chị O. Chị O yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện tại cháu Phụng N dưới 36 tháng tuổi và chị O đang trực tiếp nuôi dưỡng con, anh V không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định và không làm xáo trộn đến đời sống của con chung sau khi cha mẹ ly

hôn nên cần giao cháu Phụng N cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Chị O yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con mỗi tháng theo quy định của pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị O không tranh chấp nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị O trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị O phải chịu theo quy định của pháp luật. Anh V phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kiều O. Chị Lê Thị Kiều O được ly hôn với anh Nguyễn Khắc V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Phụng N, sinh ngày 07/12/2020 cho chị O được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Buộc anh V cấp dưỡng cho con mỗi tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 29/8/2022.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Chị O không tranh chấp nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị O trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị O phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008180 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị O đã nộp đủ án phí. Anh V phải nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã L, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Gấm